

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BM
TỈNH VL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2022

“V/v T/c ly hôn và nuôi
con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BM, TỈNH VL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà N T L T.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông L P H;

Ông S M.

- Thư ký phiên tòa: Bà B T H T – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BM tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BM xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 184/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2022, về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **T L D**, sinh năm 1990 - Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Số 1967, Tổ 5, ấp Thuận Phú B, xã T A, thị xã BM, tỉnh VL.

- *Bị đơn:* Chị **N T M L**, sinh năm 1995 - Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 1967, Tổ 5, ấp Thuận Phú B, xã T A, thị xã BM, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 13 tháng 6 năm 2022 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 08 tháng 7 năm 2022, nguyên đơn anh T L D trình bày: Vào năm 2011, anh T L D và chị N T M L quen biết tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương (Đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51, quyển số 01/2015 ngày 09 tháng 6 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã T A). Trong quá trình chung sống giữa anh T L D và chị L có 03 người con chung tên: T N T D, sinh ngày 02/8/2013; T N Th D, sinh ngày 09/4/2015 và T N Th Dy, sinh ngày 24/7/2020, vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung.

Anh T L D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau làm cho cuộc hôn nhân không hạnh phúc, hiện vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Anh T L D nhận

thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã BM giải quyết các vấn đề sau:

+ Về hôn nhân: Anh T L D yêu cầu ly hôn chị N T M L.

+ Về con chung:

(1). Anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên T N Th D, sinh ngày 09/4/2015, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con;

(2). Giao hai người con chung tên T N T D, sinh ngày 02/8/2013 và Trần Nguyễn Thùy Dên, sinh ngày 24/7/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 người con/01 tháng đến khi hai người con chung đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Do bận đi làm xa không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa được nên anh T L D xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm, đồng thời anh D cam kết không có bất cứ khiếu nại gì về sau.

* Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 20 tháng 7 năm 2022 và ngày 04 tháng 8 năm 2022 nhưng chị N T M L vắng mặt không lý do.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn: Xin vắng mặt.

- Bị đơn: Vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn có đăng ký thường trú tại thị xã BM (Theo xác nhận đề ngày 13/6/2022 của Công an xã T A), nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã BM theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh T L D có đơn xin Tòa án giải quyết vắng mặt nên phiên Tòa hôn nhân sơ thẩm được tiến hành vào ngày 07/9/2022 theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 1, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị N T M L được Tòa án triệu tập tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 20 tháng 7 năm 2022 và ngày 04 tháng 8 năm 2022 nhưng chị L vắng mặt không lý do. Chị N T M L được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa hôn nhân sơ thẩm lần 1 vào ngày 19 tháng 8 năm 2022 nhưng chị L vắng mặt không có lý do nên Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST/HNGĐ, ngày 19 tháng 8 năm 2022 và ấn định ngày mở phiên tòa lần 2 vào ngày 07 tháng 9 năm 2022 nhưng chị N T M L vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nên phiên Tòa hôn nhân sơ

thẩm được tiến hành vào ngày 07 tháng 9 năm 2022 theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của anh T L D và chị N T M L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đã là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống hôn nhân của anh T L D và chị L thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm và thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời hai vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T L D là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 9 và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh T L D và chị N T M L có 03 người con chung tên: T N T D, sinh ngày 02/8/2013; T N Th D, sinh ngày 09/4/2015 và Trần Nguyễn Thùy Dên, sinh ngày 24/7/2020.

- Xét yêu cầu của anh D:

(1). Anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên T N Th D, sinh ngày 09/4/2015, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con;

(2). Giao hai người con chung tên T N T D, sinh ngày 02/8/2013 và Trần Nguyễn Thùy Dên, sinh ngày 24/7/2020 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh D cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*)/01 người con/01 tháng đến khi hai người con chung đủ 18 tuổi.

- Xét ý kiến bé T N Th D có nguyện vọng được sống với anh T L D.

- Xét ý kiến bé T N T D có nguyện vọng được sống với chị N T M L.

Hội đồng xét xử nhận định như sau: Để đảm bảo cho việc phát triển về thể chất, tinh thần của bé T N T D; bé T N Th D và bé Trần Nguyễn Thùy Dên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh T L D.

(1). Giao bé T N Th D, sinh ngày 09/4/2015 cho anh T L D trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con;

(2). Giao bé T N T D, sinh ngày 02/8/2013 và bé Trần Nguyễn Thùy Dên, sinh ngày 24/7/2020 cho chị N T M L trực tiếp nuôi dưỡng, anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*)/01 người con/01 tháng đến khi hai người con chung đủ 18 tuổi.

Anh D, chị L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T L D và chị N T M L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản

lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, anh T L D là nguyên đơn trong vụ án nên phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 177 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 9, Điều 19, Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T L D .

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh T L D được ly hôn với chị N T M L.

2. Về con chung:

(1). Giao bé T N Th D, sinh ngày 09/4/2015 cho anh T L D trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không cấp dưỡng nuôi con;

(2). Giao bé T N T D, sinh ngày 02/8/2013 và bé Trần Nguyễn Thùy Dên, sinh ngày 24/7/2020 cho chị N T M L trực tiếp nuôi dưỡng, anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*)/01 người con/01 tháng đến khi hai người con chung đủ 18 tuổi.

Anh D, chị L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Anh T L D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng. Anh T L D được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012709, ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BM. Vậy anh T L D phải nộp thêm án phí là 300.000 đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Chi cục THADS TXBM: 01
- Ủy ban nhân dân xã T A: 01

- Dương sự: 02
- Lưu: 04

N T L T